

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 12 - 2017
V/v Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Tâm

Bà Phạm Kiều Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc xin ly hôn có yếu tố nước ngoài.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 71/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông NGUYEN T, sinh năm: 1957. Địa chỉ: 7470 RM (QC) H2E 2B5, CANADA (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Lâm Thị Nh, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số 370 NCT, phường RS, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông NGUYEN T trình bày:

Ông và bà Lâm Thị Nh quen biết nhau khoảng đầu năm 2009, quá trình tìm hiểu nảy sinh tình cảm và ông bà đã tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/11/2009, vào sổ đăng ký kết hôn số 258, quyển số 02 ngày 11/11/2009. Sau khi kết hôn ông và bà Nh sống chung với nhau được sáu tháng tại nhà bà Nh.

Khoảng năm 2010, ông trở về Canada để làm thủ tục bảo lãnh bà Nh sang sống cùng với ông, nhưng khi ông liên lạc thì bà Nh đổi ý, không muốn sang Canada nữa. Từ đó đến nay, bà Nh cắt hết mọi liên lạc với ông.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Lâm Thị Nh.

Về quan hệ con chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do có công việc phải trở về Canada và không thể tham gia trình tự thủ tục tố tụng tại Tòa án, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Mọi phán quyết của Tòa, ông đều chấp nhận và cam kết không khiếu nại về sau.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2017, bà Lâm Thị Nh trình bày:

Thống nhất với trình bày của ông NGUYEN T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông NGUYEN T, bà có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông NGUYEN T.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà không có điều kiện tham gia tố tụng tại Tòa án do phải đi làm ăn xa, xin nghỉ việc không được, nên bà yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Về mặt tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn ông NGUYEN T và bị đơn bà Lâm Thị Nh đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục phiên tòa xét xử vắng mặt ông NGUYEN T, bà Lâm Thị Nh và căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa sơ thẩm: Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Các bên đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn có yếu tố nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh. Thẩm phán cũng đã thực hiện đúng về thời hạn đưa vụ án xét xử và áp dụng các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì áp dụng theo điểm b, khoản 1 Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/ NQ -HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông NGUYEN T và bà Lâm Thị Nh kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2011. Do vậy, căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống ông NGUYEN T và bà Lâm Thị Nh có thời gian chung sống không lâu, thì ông NGUYEN T trở về Canada, hai vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Nh không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa ông T và bà Nh lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa cả hai người đều tự nguyện đồng ý ly hôn. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà Nh.

[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông NGUYEN T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điểm b, khoản 1 Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm”.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Phần tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NGUYEN T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông NGUYEN T được ly hôn với bà Lâm Thị Nh.

2. Về quan hệ con chung: Không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông NGUYEN T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông T đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số 0009211 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Báo cho bà Lâm Thị Nh biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Riêng ông NGUYEN T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Đình Thi